

Số: 25/BC-THCS

Minh Thái, ngày 23 tháng 6 năm 2026

## BÁO CÁO

### Công khai Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường Năm học 2025 - 2026

Căn cứ theo Điều 8, Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường THCS Trục Đại báo cáo công khai Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường như sau:

#### I. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

##### 1. Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026

Nhà trường đã xây dựng văn bản số 191/KH-LHP ngày 29/5/2025 về Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2025-2026 và được Hội đồng trường THCS Trục Đại phê duyệt theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 03/6/2025.

a) Đối tượng dự tuyển: Phải có hồ sơ hợp lệ và có đủ các điều kiện sau:

- Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học.
- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh người Việt Nam ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

- Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể vào học trước tuổi hoặc học vượt lớp trong phạm vi cấp học phải có đầy đủ thủ tục theo qui định.

b) Phạm vi tuyển sinh: học sinh thuộc Trục Đại và các xã lân cận có nguyện vọng chuyển đến.

c) Chỉ tiêu tuyển sinh: 250 học sinh/6 lớp.

d) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

e) Thời gian thực hiện tuyển sinh

- Tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh vào lớp 6: 24/5/2025.
- Hội đồng tuyển sinh vào lớp 6 làm việc: 27-28/5/2025.
- Báo cáo kết quả tuyển sinh về Phòng Giáo dục và Đào tạo: 03/06/2025.

- Trường công bố kết quả xét tuyển: 06/06/2025.

## **2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường**

### a) Mục tiêu chung

- Thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục trung học cơ sở; Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm học thêm theo thông tư 19/2026/TT-BGDĐT, ngày 31.03.2026 của Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm quy định về dạy thêm, học thêm thực hiện công văn hướng dẫn học 02 buổi/ngày.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, thực hiện thường xuyên và hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới PPDH, và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực học sinh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình. Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử và sức khỏe cho học sinh trong trường, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, đẩy mạnh việc đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn. Trường học là địa chỉ tin cậy của học sinh và phụ huynh.

### b) Mục tiêu cụ thể.

Kết thúc năm học 2025 - 2026, kết quả giáo dục của trường đạt được:

- Tỷ lệ xếp loại rèn luyện Khá, Tốt đạt từ 99% trở lên (trong đó có từ 70% xếp loại Tốt trở lên).

- Tỷ lệ xếp loại học tập:

+ Đối với khối 6, khối 7, khối 8: Loại Tốt : Đạt từ 25% trở lên; loại Khá: Đạt từ 50% trở lên; loại Đạt: Dưới 20%; loại Chưa đạt: Dưới 5%;

+ Đối với khối 9: Loại Tốt: Đạt từ 25% trở lên; loại Khá: Đạt từ 50% trở lên; loại Đạt: Dưới 20%; loại Chưa đạt: Không có.

- Khối 6, 7, 8 lên lớp thẳng đạt từ 95% trở lên. Rèn luyện thêm để lên lớp đạt 98% trở lên. Học sinh lớp 9 được xét tốt nghiệp 100%.

- Chất lượng khảo sát các giai đoạn xếp trong top 2 đơn vị dẫn đầu của xã.

- Đồng đội học sinh giỏi cấp tỉnh: giữ vững xếp trong top 1-2 trường cao nhất của xã và từ thứ 186 của tỉnh (Thi học sinh giỏi khối 9 là 06 môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, KHTN\_Hoá, KHTN\_Lý, KHTN\_Sinh. Khối 8 là 03 môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh. Khảo sát năng lực học sinh Giỏi cấp trường các môn Ngữ văn, Toán Tiếng Anh khối 6, 7; KHTN\_Hoá, KHTN\_Lý, KHTN\_Sinh, Lịch Sử-Địa lý 8).

- Chất lượng tuyển sinh vào lớp 10 THPT trong top 226 các trường cao nhất của tỉnh, top 2 của xã Minh Thái (giữ bậc); Có từ 03 học sinh trở lên đỗ và nhập học trường THPT chuyên Lê Hồng Phong. Phần đầu trên 95% học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 các loại hình THPT và đào tạo nghề.

- Tỷ lệ số lớp đạt danh hiệu lớp Tiên tiến hoặc được khen về nền nếp hoặc học tập theo từng học kỳ đạt 60% trở lên.

- Tỷ lệ số Đội viên đạt danh hiệu Đội viên tích cực đạt 80% trở lên.

- Tuyển sinh 100% số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6. Tỷ lệ phổ cập THCS đúng độ tuổi từ 98% trở lên.

- Học sinh tham gia 100% các Cuộc thi, Hội thi cấp trường đủ số lượng, có chất lượng. Tham gia từ 90-100% các Cuộc thi, Hội thi cấp xã, tỉnh các ngành tổ chức.

- Thi TDTT xếp trong top 1-5 cụm, có học sinh tham gia năng khiếu TDTT cấp tỉnh đạt hiệu quả.

- Cuộc thi Nghiên cứu KHKT và Ngày hội STEM: Xếp thứ Nhất cấp xã, có sản phẩm dự thi cấp tỉnh. (Cuộc thi "Học sinh phổ thông với ý tưởng khởi nghiệp" dành cho học sinh tỉnh Ninh Bình.)

- Tuyển sinh 100% số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6. Tỷ lệ phổ cập THCS đúng độ tuổi từ 98% trở lên.

c) Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTT1 ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

### **3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội.**

Ngay từ đầu năm học, nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh và trường THCS Trục Đại theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **4. Chương trình hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện sinh hoạt cho học**

**sinh.**

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, và học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các bộ môn.

Nhà trường có hồ sơ đánh giá học sinh khuyết tật hoà nhập, năm học 2025-2026.

**II. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2025- 2026****1. Số lượng học sinh**

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2024-2025: 262 học sinh.
- Tổng số học sinh: 994 học sinh (462 nữ)/ 23 lớp.
- + Khối lớp 6: 249 học sinh/6 lớp. Bình quân: 41,5 học sinh/lớp.
- + Khối lớp 7: 261 học sinh/06 lớp. Bình quân: 43,5 học sinh/lớp.
- + Khối lớp 8: 268 học sinh/06 lớp. Bình quân: 44,66 học sinh/lớp.
- + Khối lớp 9: 216 học sinh/05 lớp. Bình quân: 43,2 học sinh/lớp.
- Số học sinh dân tộc: 01 học sinh (Dao: 01).
- Số học sinh khuyết tật: 05 học sinh.
- Số học sinh chuyển đến: 01 học sinh, số học sinh chuyển đi: 03 học sinh.

**2. Kết quả đánh giá học sinh năm học 2025-2026**

- Về kết quả học tập

ST T	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập											
			Tốt		Khá		Đạt	Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm		
			SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	SL	%	S L	%
<b>Toàn trường</b>		<b>994</b>	<b>186</b>	<b>18.7</b>	<b>424</b>	<b>42.7</b>	<b>373</b>	<b>37.5</b>	<b>1</b>	<b>1.11</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Khối 6</b>	<b>249</b>	<b>34</b>	<b>13.7</b>	<b>132</b>	<b>53</b>	<b>81</b>	<b>32.5</b>	<b>2</b>	<b>0.8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1.1	6A	41	25	60.98	16	39.02	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	6B	42	3	7.14	21	50	17	40.48	1	2.38	0	0	0	0
1.3	6C	40	1	2.5	23	57.5	16	40	0	0	0	0	0	0
1.4	6D	39	2	5.13	18	46.15	19	48.72	0	0	0	0	0	0
1.5	6E	43	1	2.33	26	60.47	16	37.21	0	0	0	0	0	0
1.6	6G	44	2	4.55	28	63.64	13	29.55	1	2.27	0	0	0	0
<b>2</b>	<b>Khối 7</b>	<b>261</b>	<b>58</b>	<b>22.2</b>	<b>88</b>	<b>33.7</b>	<b>114</b>	<b>43.7</b>	<b>1</b>	<b>0.38</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	7A	45	40	88.89	5	11.11	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	7B	44	1	2.27	16	36.36	26	59.09	1	2.27	0	0	0	0
2.3	7C	44	7	15.91	11	25	26	59.09	0	0	0	0	0	0
2.4	7D	44	1	2.27	19	43.18	24	54.55	0	0	0	0	0	0
2.5	7E	41	6	14.63	17	41.46	18	43.9	0	0	0	0	0	0



ST T	Lớp	Tổng số HS (*)	Rèn luyện												
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm		
			SL	%	S L	%	S L	%	SL	%	SL	%	SL	%	
2.5	7E	41	41	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.6	7G	43	37	86.0 5	6	13.9 5	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>3</b>	<b>Khối 8</b>	<b>268</b>	<b>233</b>	<b>86.9</b>	<b>30</b>	<b>11.2</b>	<b>5</b>	<b>1.87</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.1	8A	47	47	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	8B	44	36	81.8 2	7	15.9 1	1	2.2 7	0	0	0	0	0	0	0
3.3	8C	45	42	93.3 3	3	6.67	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	8D	44	30	68.1 8	12	27.2 7	2	4.5 5	0	0	0	0	0	0	0
3.5	8E	45	42	93.3 3	2	4.44	1	2.2 2	0	0	0	0	0	0	0
3.6	8G	43	36	83.7 2	6	13.9 5	1	2.3 3	0	0	0	0	0	0	0
<b>4</b>	<b>Khối 9</b>	<b>216</b>	<b>207</b>	<b>95.8</b>	<b>9</b>	<b>4.17</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1	9A	42	42	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	9B	42	37	88.1	5	11.9	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	9C	45	42	93.3 3	3	6.67	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	9D	43	43	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.5	9E	44	43	97.7 3	1	2.27	0	0	0	0	0	0	0	0	0

### - Danh hiệu:

- + Học sinh đạt danh hiệu học sinh Xuất sắc: 11 học sinh, tỷ lệ: 1,11%.
- + Học sinh đạt danh hiệu học sinh Giỏi: 169 học sinh, tỷ lệ: 17.00%.
- + Tổng cộng học sinh Xuất sắc và học sinh Giỏi: 164 học sinh, tỷ lệ: 17,15%.

+ Học sinh lên lớp thẳng: 983 học sinh, tỉ lệ: 98,9%.

+ Học sinh kiểm tra lại: 11 học sinh, tỉ lệ: 1,11%.

+ Học sinh rèn luyện hạnh kiểm trong hè: 00 học sinh, tỉ lệ: 0,0%.

+ Học sinh lưu ban: 00 học sinh, tỉ lệ: 0,0%.

+ Học sinh tốt nghiệp THCS: 216 học sinh, tỉ lệ: 100%.

+ Học sinh trúng tuyển vào trường THPT và học các loại hình: 215/216 (99,53%). Trong đó có 154 học sinh theo học các trường THPT công lập, 01 học sinh học trường nghề, 60 học sinh đăng ký học GDTX dân lập. Kết quả thi lớp 10 THPT năm học 2026-2027 xếp thứ 1 của xã Minh Thái và dự kiến tốp đầu của tỉnh Ninh Bình.

### 3. Kết quả học sinh giỏi các cấp và các cuộc thi, hội thi:

TT	Đội tuyển	HỌC SINH GIỎI TRƯỜNG					HỌC SINH GIỎI CỤM/XÃ					HỌC SINH GIỎI TỈNH					Quốc gia	Tổng số giải
		Nhất	Nhi	Ba	KK	Tổng	Nhất	Nhi	Ba	KK	Tổng	Nhất	Nhi	Ba	KK	Tổng		
	<b>I. Các môn văn hóa</b>																	
1	Văn 6				4	4					0					0		4
2	Toán 6	1	3	2	2	8					0					0		8
3	Anh 6				3	3					0					0		3
4	Văn 7	1	1	6		8					0					0		8
5	Toán 7		1	2	1	4					0					0		4
6	Anh 7			2	2	4					0					0		4
7	Văn 8			2	1	3					0					0		3
8	Toán 8	1		2		3					0			1		1		4
9	Anh 8				4	4					0					0		4
10	Lí 8			1	1	2					0					0		2
11	Hoá 8			2	1	3					0					0		3
12	Sinh 8	1	1	4	1	7					0					0		7
13	Văn 9		2	2		4					0				1	1		5
14	Toán 9		1	1	1	3					0		2			2		5
15	Anh 9		1	3		4					0			1	1	2		6
16	Lí 9			2		2					0		1	1		2		4
17	Hoá 9		1	3	1	5					0			1	1	2		7
18	Sinh 9		1	1	4	6					0			1	1	2		8
	<b>*Tổng (TI)</b>	<b>4</b>	<b>12</b>	<b>35</b>	<b>26</b>	<b>77</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>12</b>		<b>89</b>
	<b>II. Các cuộc thi hội thi</b>																	
19	1. ToánTg Anh 8					0	1	3	3		7				3	3		10
20	2. STEM					0					0	2				2		2
21	3.VioEdu (T6)					0					0			1		1		1
22	VioEdu (T7)					0					0					0		0
23	VioEdu (T8)					0					0			1		1		1
24	VioEdu (T9)					0					0				1	1		1
25	4. IOE 6				1	1					0					0		1
26	IOE 7			2	1	3					0					0		3
27	IOE 8			2	7	9				3	3					0		12
28	IOE 9		1	2	4	7			1	2	3			1	1	2		12
	<b>Tổng CHTT (TII)</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>13</b>	<b>20</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>43</b>
29	<b>III. Thể dục thể thao</b>						2	4	6	4	16	0	0	0	0	0		16

TT	Đội tuyển	HỌC SINH GIỎI TRƯỜNG					HỌC SINH GIỎI CỤM/XÃ					HỌC SINH GIỎI TỈNH					Quốc gia	Tổng số giải
		Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng		
30	<i>*Tổng CTHT&amp;TDTT (TH+TT)</i>	0	1	6	13	20	3	7	10	9	29	2	0	3	5	10	0	59
31	<i>IV. Tổng chung</i>	4	13	41	39	97	3	7	10	9	29	2	3	8	9	22	0	148

- Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt Cờ Khuyến khích.

#### 4. Các hoạt động giáo dục khác:

- Nhà trường luôn tham gia tích cực và đạt hiệu quả cao.

Trên đây là báo cáo công khai Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của trường THCS Trục Đại./.

#### Nơi nhận:

- Đảng uỷ-HĐND-UBND;
- Phòng VH-XH;
- Ban chỉ ủy;
- CBQL, BLT;
- Công khai trên website;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Thị Châm**